

Số: *246* /GCN-BXD

Hà Nội, ngày *29* tháng *11* năm *2021*

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần Khảo sát và Kiểm định xây dựng Hà Nội và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 19/11/2021.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty Cổ phần khảo sát và kiểm định xây dựng Hà Nội.

Mã số thuế: 0105345315

Địa chỉ: Thôn Đại Tự, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Khu đô thị 54, ngõ 85 phố Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 890**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp và thay thế các Giấy chứng nhận số 583/GCN-BXD ngày 29/12/2016 và số 622/GCN-BXD ngày 25/9/2018 của Bộ Xây dựng./.

Nơi nhận:

- Cty. Cổ phần khảo sát và kiểm định xây dựng Hà Nội;
- Sở XD Hà Nội;
- TT Thông tin (*website*);
- Lưu VT, KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS - XD 890

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 246 /GCN-BXD, ngày 29 tháng 11 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
1	Thử nghiệm cơ lý xi măng, Clanhke xi măng pooc lăng	
	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:2003; BS EN 196-6:10; ASTM C204:18; C188, C184, JIS R5201-1997; AASHTO T133, T153, T192.
	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:11 (ISO679:2009); TCVN 9488:2012; ASTM C109; AASHTO T106; BS EN 196-1; JIS R 5201:97
	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:15; TCVN 8875:2012; TCVN 9488:2012; BS EN 196-3; TCVN 10653:2015; JIS R 5201; ASTM C187, C191, C266, C451; AASHTO T131, T129
	Xác định hàm lượng phụ gia khoáng	TCVN 9203:2012; TCVN 141:2008
	Xác định độ nở sunfat, Độ nở Autoclave	TCVN 6068:04; TCVN 8877:2011; TCVN7711:2013; ASTM C452-10, C1038; ASTM C151
	Xác định hàm lượng (SiO ² , SO ³ , Fe ₂ O ₃ , Al ₂ O ₃ , CaO, MgO, MnO, CL-..., cặn không tan	TCVN 141: 2008; BS 196: 05; TCVN 7711: 2013
	Xác định hàm lượng K ₂ O và Na ₂ O hòa tan	TCVN 141:08, BS 196:05; TCVN 7711: 2013
	Khả năng giữ nước của xi măng	TCVN 9202:2012
	Clanhke xi măng pooc lăng: Xác định cỡ hạt, Xác định độ ẩm, Xác định hoạt tính cường độ, Xác định hệ số nghiền	TCVN 7024:2013
2	Hỗn hợp bê tông, bê tông nặng, bê tông đầm lăn, bê tông nhẹ, tấm tường, vách ngăn	
	Xác định thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:1993
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:93; BS EN 12350-2; AASHTO T119; JIS A 1101:2010; ASTM C143
	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:93; ASTM C138-17; AASHTO T121; BS EN 12350-6; JIS A1116
	Xác định độ tách nước, tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:93; BS EN 12350-4; EN 480-4; ASTM C232-14; AASHTO T158; JIS A 1123:10
	Xác định khối lượng riêng, xác định khối lượng thể tích và độ hút nước của bê tông	TCVN 3112:93; TCVN 3113:1993; TCVN 3115:1993; TCVN3108:1993; BS EN 12350-7:09, ASTM C642.
	Xác định độ mài mòn Bê tông xi măng	TCVN 3114:1993
	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:1993, TCVN 8219:2009, ASTM C1585-13
	Xác định giới hạn bền nén	TCVN 3118:93; BS EN 12390-3:19; BS EN 12504-1:19; ASTM C39-18; ASTM C42-18; AASHTO T22; AASHTO T24; AASHTO T140; JIS A 1107, A1108
	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:93, BS EN 12390-5, ASTM C293-16, ASTM C78, AASHTO T97, T177; JIS A 1114, A1106
	Xác định giới hạn bền kéo khi bừa của bê tông	TCVN 3120:93; BS EN 12390-6:19;

		AASHTO T198; JIS A 1113
	Xác định độ cứng Vebe của hỗn hợp bê tông	TCVN 3107:1993, BS EN 12350-3, ASTM C1170-20
	Xác định độ thấm ion clo, độ pH trong bê tông và vữa.	TCVN9339:2012; TCVN 9337:2012
	Xác định hàm lượng bọt khí của bê tông	TCVN 3111:93; ASTM C173-14; ASTM C231-17; ASTM C233-14; JIS A 1128; BS EN 12350-7; AASHTO T152.
	Xác định độ co của bê tông	TCVN 3117:93; ASTM C157:17; AASHITO T160; JIS A 1129.
	Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khí nén tĩnh	TCVN 5726:1993; ASTM C157; JIS A1149, A1127; AASHTO T160.
	Xác định thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông	TCVN 9338:12; ASTM C403, C1117; AASHTO T197
	Xác định cường độ chịu kéo dọc trục của bê tông	CRD 164:92
	Xác định nhiệt độ của hỗn hợp	ASTM C1064
	Xác định độ chảy xòe của hỗn hợp bê tông	BS EN 12350-5; ASTM C1611; JIS A 1150
	Xác định hệ số thấm và chiều sâu thấm của bê tông	DIN 1048; ASTM C1585; CRD C48; BS EN 12390-8
	Xác định mức độ hút nước của bê tông	ASTM C1585; BS 1881-208; BS 1881-122
	Xác định các tính chất của hỗn hợp bê tông tự đầm	BS EN 12350 – Part 8,9,10,11,12. ASTM C1611, C1621
	Xác định cường độ chịu kéo bề mặt và cường độ bám dính bằng kéo trực tiếp	TCVN 9491:2012, ASTM C1583/C1583M-04
	Xác định cường độ dính bám của thép với bê tông	ASTM C234-91
	Xác định cường độ kéo khi ép chèn	TCVN 8862-2011, EN 12390-6.
	Tấm 3D dung trong xây dựng: Kiểm tra kích thước cơ bản và khuyết tật ngoại quan, xác định độ bền, độ cách âm, Cách nhiệt, cường độ chịu nén, uốn, độ hút nước	TCVN 7575-2:2007
	Cọc bê tông ly tâm ứng lực trước: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, độ bền uốn nứt thân cọc, độ bền uốn, khả năng bền cắt.	TCVN 7888-2014; JIS A1136:18
	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, xác định khả năng chịu tải, cường độ chịu nén	TCVN 5847:2016; JIS A5309:1995
3	Thử nghiệm vữa xây dựng, vữa cho bê tông nhẹ, vữa xi măng khô trộn sẵn, vữa sika grout	
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất; Xác định độ lưu động, độ chảy của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi; Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi; Xác định hàm lượng bọt khí trong vữa xi măng; Thời gian bắt đông đông kết của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích vữa đóng rắn; Xác định cường độ uốn và cường độ nén của vữa đã đóng rắn; Xác định cường độ dính bám của vữa đã đóng rắn với nền; Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121:2003, BS EN 1015-1, TCVN 9028:2011; TCVN 9204:2012, ASTM C230; TCVN 8876-2012; ASTM C185-08; ASTM C807, C953; ASTM C109, C348, C349, C942, C319; BS EN 445-2007, EN 1015-11; ASTM C1583, EN 1015-12; ASTM C1403; EN 1015-18,19
	Xác định độ chảy của hỗn hợp vữa	TCVN9024:2012; ASTM C939-10; ASTM C1437-07, BS EN 445:2007
	Xác định độ co; độ tách nước của hỗn hợp vữa	TCVN 9204:2012; ASTM C940-10a, BS EN 445:2007
	Xác định sự thay đổi chiều cao cột vữa tại lúc kết thúc đông kết so với chiều cao ban đầu, thay đổi chiều dài của mẫu vữa đóng rắn	TCVN 9204:2012, ASTM C157-08
	Xác định hàm lượng ion Clo hòa tan trong nước	TCVN 3121-17:2003; ASTM C1218, EN 1015-17; TCVN 9028:2011
	Vữa keo dán gạch, keo chít mạch: Xác định thời gian mở, Độ	TCVN 7899:2008; ISO 13007:2014; BS EN

	trượt, Cường độ bám dính khi cắt, Cường độ bám dính khi kéo, Xác định biên dạng ngang, Xác định độ bền hóa, Cường độ chịu uốn và nén, Độ hút nước, Độ co ngót, Độ mài mòn.	1346-2007, BS EN 1348-2007.
	Vữa chèn cấp dự ứng lực: Xác định lượng vón cục, độ chảy, độ chảy lan tỏa, độ tách nước, thay đổi thể tích vữa, thời gian đông kết, cường độ chịu nén	TCVN 11971:2018
4	Thử cốt liệu bê tông và vữa	
	-Xác định thành phần cỡ hạt và mô đun độ lớn; Xác định thành phần thạch học; Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước; Xác định khối lượng thể tích độ xốp và độ hồng; Xác định độ ẩm; Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ; Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ; Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc; Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn; Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles); Xác định khả năng phản ứng kiềm – silic của cốt liệu; Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn; Xác định hàm lượng mềm yếu, phong hóa; Xác định hàm lượng mica; Xác định hàm lượng clorua (Cl ⁻); Xác định hàm lượng hạt đập bị vỡ; Xác định hàm lượng muối Natri clorua (NaCl) trong cốt liệu; Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ, Xác định hàm lượng Sulfat và Sulfit	TCVN 7572:2006; ASTM C29, C33, C40, C127, C128, C131, C136, C170, C227, C566; AASHTO T19, T27, T84, T85, T96, T255, T335; EN 933, EN 1097, EN 1744-5, EN 1092-2; BS 812; JIS A1102, A1103, A1104, A1109, A1110, A1111, A1121, A1125, A1126, A1137, A1146, M302
	Xác định hệ số (ES)	AASHTO T176; ASTM D2419
	Phương pháp xác định góc nghỉ tự nhiên của cát	ASTM D1883, AASHTO T193
	Phụ gia khoáng cho bê tông đầm lăn: Chỉ số hoạt tính cường độ so với mẫu đối chứng, Hàm lượng SO ₃ , Hàm lượng kiềm có hại của phụ gia, Tổng hàm lượng các ôxít SiO ₂ + Al ₂ O ₃ + Fe ₂ O ₃ , Độ ẩm, Hàm lượng mất khi nung, Lượng sót sàng 45 μm, Lượng sót sàng 80 μm, Lượng nước yêu cầu so với mẫu đối chứng, Độ nở trong thùng chưng áp (Autoclave)	TCVN 6882:2001, TCVN 7131:2002, TCVN 7572-7:2006, TCVN 8827:2011, TCVN 4030:2003, TCVN 8825:11
	Cát nghiền cho bê tông và vữa: Xác định thành phần hạt, Xác định hàm lượng hạt sét, Xác định khả năng phản ứng kiềm-silic, Xác định hàm lượng ion Cl ⁻	TCVN 7572: 06; TCVN 344:1986; TCVN 9205:12.
	Phụ gia hóa học cho bê tông và vữa: Xác định độ Ph, Tỷ trọng, Hàm lượng chất khô, Hàm lượng chất không bay hơi, Hàm lượng Cl ⁻ , Khả năng giảm nước, thời gian ninh kết, Cường độ chịu nén và uốn so với mẫu đối chứng, ảnh hưởng của phụ gia đến độ co nở	TCVN 8826-2011; ASTM C114:2018, ASTM C494:19, ASTM D2110, EN 480-2014; JIS A6204-2011.
	Phụ gia khoáng: Thành phần hạt, độ mịn, thời gian đông kết và độ bền nước, Chỉ số hoạt tính, Hàm lượng mất khi nung, Thành phần hóa học của phụ gia, khối lượng riêng, Độ nở trong thùng chưng áp, khả năng chống ăn mòn sunfat của phụ gia, hàm lượng tạp chất bụi và sét	TCVN 8827:2011, TCVN 4315:2007, TCVN 6882:2016, TCVN 11586:2016; TCVN 7131:2002, TCVN 8825:2011
5	Thử nghiệm cơ lý đất, đá	
	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12, BS EN 1377:90, ASTM D854:14, AASHTO M147, AASHTO M100
	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12, ASTM D2216:10; ASTM D4959-16; AASHTO M148
	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12; AASHTO T90-00, ASHTO T89-02, ASTM d4318-17el.
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:14; ASTM D421, D422, D1140-14; AASHTO T88-13, BS 1377:1990
	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:12; ASTM D3080:11, AASHTO

		T236-08; BS 1377-7:1990
	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông và có nở hông	TCVN 4200:12, BS EN 1377:90, ASTM D2166, AASHTO T236-08
	Xác định đầm chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:12; 22TCN333:06; BS EN 1377-2:90; ASTM D1557:12; AASHTO T99,T180
	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:12, BS EN 1377:90, AASHTO T204:90
	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) - Trong phòng thí nghiệm và ngoài hiện trường	22TCN 332- 06; BS EN 1377-4:90; ASTM D1883-16, AASHTO T193-13, BS EN 13286:2003.
	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:12; BS EN 1377-43:90; AASHTO T267-91
	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN8721:12
	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU; CU;CD; CV)	TCVN8868:11; BS1377:90; ASTM D2166
	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:12; BS1377:90; ASTM D2434:00 AASHTO T204:90.
	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:12
	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:12, ASTM D4829, ASTM D4546
	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:12, ASTM D427, AASHTO T92
	Xác định đặc trưng lún ướt của đất	TCVN 8722:12, BS 1377
	Xác định đặc trưng góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:12, BS 1377
	Xác định tổng hàm lượng và hàm lượng các ion thành phần muối hòa tan trong đất	TCVN 8727:12, BS 1377
6	Kiểm tra vật liệu kim loại, mối hàn	
	Xác định dung sai kích thước, khối lượng	TCVN 1651:2018; TCVN 7571:2006; TCVN 11221:2015; TCVN 8163:09; JIS 3192:2014; ASTM A53-18; A500-18; BS EN 10255:04; JIS G 3466.
	Thử kéo	TCVN 197-1:2014; TCVN 314-2008; TCVN 5403:19; TCVN 7937:2013; ASTM A370-17; ASTM B557-15; ASTM E8-16; EN 10002-1:2001; JIS Z2241:2011; ISO 6892-2016.
	Thử uốn	TCVN 198:2008; TCVN 5401:2010; ASTM A370-18; JIS Z 2248:2018, ISO 7438-2016.
	Thử nén bẹp	TCVN 1830:2008; ASTM A53-18; ASTM A500-18; JIS G3444:98; G3452:19; G3459:97; EN 10232; ISO 8492-2013.
	Xác định Độ cứng theo phương pháp Rockwell, Brinell, Vicker.	TCVN 256:2006; TCVN 257:2007; TCVN 258:2007; ASTM E10,E18; ASTM E92-17; JIS Z2243:08, Z2245:16
	Thử nghiệm hệ thống neo và cáp dự ứng lực (kích thước hình học, hiệu suất của bộ neo – cáp, lượng dịch chuyển của chấu neo)	TCVN6284, 22 TCN 267-00, ASTM A416M - 06, A370
	Thử cáp thép cường độ cao	TCVN6284, ASTM A370-97, ASTM A416M - 06, A370
	Thử nghiệm độ chùng ứng suất của vật liệu và cấu kiện	TCVN6284, ASTM E328-86, ASTM A416M-06, A370
	Thử nghiệm độ chùng cáp	TCVN6284, ASTM E328-02, ASTM A416M - 06, A370
	Thử nghiệm hệ số xiết của bu lông cường độ cao	JIS B1186-95
	Thử nghiệm lực căng của tấm lưới (dùng làm rọ đá)	ASTM A975-03, ASTM A82
	Thử nghiệm lực căng tại vòng xoắn mắt lưới dùng làm rọ đá)	ASTM A975-03, ASTM A83

	Kiểm tra không phá hủy- phương pháp dùng bột từ, phương pháp thâm thấu	TCVN 4396:86, TCVN 4617:88; AWS D1.1:08
	Kiểm tra không phá hủy mối hàn – phương pháp siêu âm	TCVN1548:87; TCVN 6735:2000; AWS D1.1, D1.2, BS EN 287-1, BS EN 1714:98 ASTM E164-19;JIS Z3060-15
	Thử nghiệm cáp neo dự ứng lực: Xác định kích thước, độ cứng, độ nhám, hiệu suất neo, thử kéo, modun đàn hồi, chùng ứng suất, thử kéo đồng bộ.	TCVN 7937-13; TCVN 10952:15; TCVN 10568:2017; TCVN 11243:2016
	Thử song chắn rác, nắm hồ ga: xác định kích thước hình học, xác định biến dạng dư, thử tải, xác định kích thước hình học, khuyết tật ngoại quan, độ chống trơn trượt	TCVN 10333-3:2014; TCVN 10333-2:2014; TCVN 9356: 2012; BS EN 124:2015
	Kiểm tra thành phần hóa học kim loại dùng trong xây dựng	TCVN 8998:2014; ASTM E415:2017; ASTM E1086:2014; ASTM E1251-2017a, JIS G 1253:2002
	Thử kéo và thử kéo nén lặp lại ứng suất cao mối nối bằng ống ren	TCVN 197:14, TCVN 198:08, TCVN1651:08, TCVN 8163:09, TCVN 5709193;, BS1387:85, JG171:05, ACI 318M
	Lớp phủ mạ kẽm, lớp màng oxy hóa - chiều dày lớp phủ (lớp sơn)	TCVN 5408:07; TCVN 9406:2012; TCVN 4392:89; TCVN 5878:07; TCVN 7665:07; ASTM A90-13; D1400-00; E376-19; B244-09
	Thử nghiệm bulong, vít, vít cấy, đai ốc: thử cấp độ bền ren, thử cắt, thử nghiệm cường độ kháng nhổ bulong khoan cấy, bu long neo, thép khoan cấy.	ASTM A370-17; F606-19;E488-18; ISO 898-1,2; ASTM A615/A615M, JIS B1186, ASTM E 1512-01, BS 8539:2012, TCVN 9490:2012
	Thử nghiệm cửa đi, cửa sổ, mặt đứng: Sai lệch kích thước, độ cong vênh; Độ bền; độ bền nhiệt; độ bền góc hàn; giãn dài.	TCVN 9366:2012; TCVN 7451:2004; TCVN 7452:2004, ISO 140-3:95; BS 6375-2.
	Hợp kim Nhôm dạng profile, thanh profile, thanh nhôm định hình: Kính thước, Độ bền kéo, Độ bền uốn, độ cứng, giãn dài, độ bền va đập.	TCVN 197-14, TCVN 198:08 ;TCVN 8998:2014; ASTM E1251; BS EN478; ASTM A370
7	Thử nghiệm tại hiện trường	
	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao đai	TCVN 8730:2012; 22TCN 02:71, ASTM D2937, AASHTO T204:90
	Độ ẩm; Khối lượng TT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	TCVN 8729:2012; TCVN 8728:2012; 22TCN 346:06, BS EN 1377; AASHTO T191
	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11, ASTM E950:98, BS1082:02
	Xác định modul đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:11,ASTM D4695:96, AASHTO T256-76
	Xác định sức chịu tải tới hạn của nền đất tại hiện trường qua tấm nén phẳng	TCVN 9354:12, ASTM D1154
	XĐ modul đàn hồi EA chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:11, TCVN 9354:12, ASTM D4695:96,D4729; AASHTO T256-77
	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát	TCVN 8866: 11, ASTM E965:96, ASTM E965:01
	PP không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9355: 12, TCVN 9357: 12; BS EN 12504:12, ASTM C805M-08, JIS A 1155:12 ; TCXD 171:89
	Thí nghiệm cọc tại hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
	Thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng PP siêu âm	TCVN 9396:2012
	Đo điện trở đất (chống sét).	TCVN 9385:2012, TCXD46 - 2007
	Quan trắc lún công trình, trắc địa công trình	TCVN9400: 12, TCVN9360: 12, TCVN9398:12, ASTM D4435-98
	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9365: 12, TCVN 9351: 12
	PP điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường	TCVN 9356: 12, TCVN 9348: 12;ASTM

	kính cốt thép trong bê tông, khả năng bị ăn mòn cốt thép	C876:91
	Thử nghiệm gia tải đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt của cấu kiện bê tông	TCVN 9347:2012
	Thử nghiệm độ bền của các bộ phận kết cấu chịu uốn trên công trình bằng phương pháp chất tải	TCVN 9344:2012
	Xác định kích thước và cơ lý cột điện bê tông cốt thép ly tâm	TCVN 5847:94
	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường, (FVT)Thí nghiệm xuyên động (DCP), Xuyên tĩnh (CPT)	22TCN 355-06: ASTM D6951:03 , TCVN 9352:2012; ASTM-D2573:94, ASTM-D69513:03;ASTM-D1586; AS 1289.6.3.2:97
	Kiểm tra khuyết tật cọc bằng phương pháp động biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397-2012; ASTM D5882:16
	Kiểm tra khuyết tật cọc bằng phương pháp động biến dạng lớn (PDA)	TCVN 11321:2016; ASTM D4945:17
	Đo lún, nghiêng, chuyển vị, độ võng, quan trắc công trình, ứng suất cọc cầu, giao động kết cấu nhịp	TCVN 9360 :12, TCVN 9399:2012, 22TCN 243:98 22TCN 170:1987, ASTM D6230:98, AASHTO T234
	XĐ lực kéo ngang đầu cột điện bê tông cốt thép ly tâm	TCVN 5847:16
	Xác định hệ số thấm của đất đá chứa nước bằng phương pháp hút nước thí nghiệm từ hố khoan	TCVN 9148:2012
	Xác định độ thấm của đá bằng phương pháp thí nghiệm ép nước vào lỗ khoan	TCVN 9149:2012
	Thí nghiệm độ nghiêng lệch hố khoan cọc khoan nhồi	22 TCN 272:05, TCVN9395:2012
	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:12
	Xác định vận tốc xung siêu âm	TCVN 9357:12, BS EN 12504-4:04, ASTM C597:09
	Thí nghiệm nhỏ cọc bê tông cốt thép	BS EN 12501254:05, ASTM C900:06, ASTM D3689:90,ASTM D3966:90
	Lấy mẫu bê tông bằng phương pháp khoan từ cấu kiện	TCXD239:2005, TCXDVN356:05, TCVN3118:93 ASTM C42:94
	Cát gia cố xi măng: Dung trọng khô lớn nhất và độ ẩm tốt nhất, xác định cường độ ép chèn, xác định cường độ chịu nén	22TCN 246:98, 22TCN 73-84 AASHTO T180
	PP Xác định cường độ kéo khi ép chèn của vật liệu liên kết bằng chất kết dính	TCVN 8862-11; 22TCN 245-98; TCVN 8858-12; TCVN 8857-11
	Thử áp lực ống	TCVN 4519; TCVN 2942
	Thí nghiệm CBR ngoài hiện trường	TCVN 8821:11; BS EN 1377:90, BS EN 1377-9:90, ASTM-D4429-92, D4429-93
	Xác định mô đun đàn hồi của vật liệu đá gia cố chất kết dính vô cơ trong phòng thí nghiệm	TCVN 9843:13; ASTM D5102:96
	Đo áp lực nước lỗ rỗng (Piezometer, Standpipe)	TCVN 8869:11; ASHTO T252:96; ASTM D5092
	Đo GPS trong trắc địa công trình	TCVN 9401:12
	Thử nghiệm chất kết dính gốc nhựa Epoxy: Xác định độ nhớt, Cường độ dính bám, độ liên kết, độ hấp thụ nước 24h, cường độ chịu kéo và modun đàn hồi khi nén, cường độ chịu kéo 7 ngày.	TCVN 7952:2008; ASTM C881-20; C884-16; C1404-98; D570-98; D638-14; D648-18; D695-15; D2393-86
8	Ống cống bê tông cốt thép thoát nước, Cống hộp bê tông cốt thép, gói cống	
	Kiểm tra kích thước hình học, độ thẳng, độ vuông góc, khuyết tật ngoại quan, khả năng chịu tải, khả năng chống thấm nước, chiều dày lớp bảo vệ	TCVN 9113:2012; TCVN 9116:2012; TCVN 10799:2015
	Bó via bê tông: kiểm tra kích thước hình học, khuyết tật ngoại quan, khả năng chịu tải	TCVN 10797:2015
	Mương bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn: Xác định kích thước hình học, khuyết tật ngoại quan, khả năng chống thấm, khả năng	TCVN 6394:2014; TCVN 10333:2014

	chịu tải, chiều dày lớp bảo vệ	
9	Thử nghiệm cơ lý gạch	
	Gạch bê tông nhẹ, tấm tường: xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, cường độ chịu nén, độ ẩm, khối lượng thể tích khô, độ hút nước, hệ số dẫn nhiệt, độ co khô	TCVN 9030:2017; ASTM C567-19; ASTM C1693-09; TCVN 7959:2017
	Gạch bê tông: Xác định kích thước hình học, khuyết tật ngoại quan, cường độ chịu nén, độ rỗng, độ hút nước, độ thấm nước	TCVN 6477:2016; ASTM C140-18a, TCVN6355:2009
	Gạch bê tông tự chèn: Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan, độ rỗng, cường độ nén, độ hút nước, độ thấm nước, độ chịu mài mòn.	TCVN 6476:1999; ASTM C140-18a, TCVN6355:2009
	Gạch xi măng lát nền, Gạch Granito: Xác định kích thước hình học khuyết tật ngoại quan, độ hút nước, lực va đập xung kích, tải trọng uốn gãy toàn viên, độ cứng lớp mặt, độ mài mòn	TCVN 6065:1995; TCVN 6074:1995, TCVN6355:2009
	Gạch đất sét nung: Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan, xác định cường độ chịu nén, xác định cường độ chịu uốn, độ hút nước, xác định khối lượng thể tích, xác định độ rỗng, xác định vết tróc do vôi, xác định sự thoát muối	TCVN 6355-1-:-8:2009
	Gạch Terazzo: Kiểm tra kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan, xác định độ hút nước, xác định độ chịu mài mòn sâu, độ chịu mài mòn mất khối lượng bề mặt, độ bền uốn, hệ số ma sát, độ bền thời tiết	TCVN 7744:2013,TCVN 6355:2009, TCVN 6415-14:2016,
10	Gạch ốp lát:	
	Xác định kích thước chất lượng bề mặt; Xác định độ hút nước, độ xấp biểu kiến, khối lượng riêng tương đối và khối lượng thể tích; Độ bền nén; Độ bền uốn, modun đàn hồi và lực uốn gãy; Độ bền va đập bằng cách đo hệ số phản hồi; Độ bền mài mòn sâu; Độ mài mòn bề mặt Hệ số giãn nở nhiệt dài, hệ số giãn nở âm Độ bền rạn men đối với gạch men Độ bền hóa học, xác định độ bền chống bám bẩn Độ cứng bề mặt theo thang Mohs	TCVN 6415:2016; TCVN 8057:2009; ASTM C97-18; ASTM C170-17; ASTM C1505-15; ASTM C99-18; ASTM C880; ASTM C484-20; ASTM C1353; ASTM C484-20
11	Ngói đất sét nung, Ngói tráng men, Ngói xi măng cát	
	Xác định kích thước khuyết tật ngoại quan	TCVN 1452:2004; TCVN 1453:1986; TCVN 7195:2002; JIS A5402:2002
	Xác định tải trọng uốn gãy	TCVN 4313:1995; TCVN 7195:2002; JIS A5402:2002
	Xác định độ xuyên nước	TCVN 1453:1986; TCVN 7195:2002; JIS A5402:2002
	Xác định khối lượng 1m ² ngói bão hòa nước	TCVN 4313:1995; TCVN7195:2002; JIS A5402:2002
	Tấm xi măng sợi: Xác định kích thước, độ thẳng cạnh và độ vuông góc; cường độ chịu uốn; khối lượng thể tích biểu kiến; xác định độ co giãn ẩm; xác định độ bền chu kỳ nóng lạnh; xác định khả năng chống thấm nước; độ bền nước nóng; độ bền bang giá; độ bền mưa nắng.	TCVN 8259:2009
	Tấm tường rỗng bê tông đúc sẵn: Xác định kích thước khuyết tật ngoại quan, độ rỗng của tấm tường, độ bền va đập, độ cách âm không khí, cường độ chịu nén, độ hút nước, độ bền treo vật nặng, giới hạn chịu lửa.	TCVN 3113:1993; TCVN 3118:1993; TCVN 9311-8:2012; TCVN 7575-2:2007; TCVN 11524:2016
12	Bê tông nhựa:	
	Phương pháp xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall; Phương pháp xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm; Phương pháp xác định thành phần hạt; Phương pháp xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời; Phương pháp xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của	TCVN 8860:2011; AASHTO T164, T166, T172, T209 T245; ASTM D1559, D2041, D2172, D2726, D6927; EN 12697, EN 13108; BS 598

	bê tông nhựa đó đầm nén; Phương pháp xác định độ chảy nhựa; Phương pháp xác định độ góc cạnh của cát; Phương pháp xác định hệ số độ chặt lu lèn; Phương pháp xác định độ rỗng dư; Phương pháp xác định độ rỗng cốt liệu; Phương pháp xác định độ rỗng lấp đầy nhựa; Phương pháp xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	
13	Nhựa đường lỏng:	
	Xác định nhiệt độ bắt lửa, xác định hàm lượng nước, thử nghiệm chung cát, xác định độ nhớt tuyệt đối.	TCVN8818:2011
14	Nhũ tương nhựa đường gốc axit:	
	Xác định độ nhớt Saybolt Furol, xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ, Xác định lượng hạt quá cỡ (phương pháp sàng), xác định diện tích hạt, xác định độ khử nhũ, thử nghiệm trộn với xi măng, xác định độ dính bám và tính chịu nước, thử nghiệm chung cát, thử nghiệm bay hơi, nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tách nhanh, nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tách chậm, xác định khả năng trộn lẫn với nước, xác định khối lượng thể tích, độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường.	TCVN 8817:2011
15	Thử nghiệm Bitum:	
	Xác định độ kim lún, xác định độ kéo dài, Xác định điểm hóa mềm (phương pháp vòng bi), xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland, xác định lượng tổn thất khối lượng sau gia nhiệt, xác định lượng hòa tan trong Tricloetylen, xác định khối lượng riêng (phương pháp Pycnometer), xác định độ nhớt động học, xác định hàm lượng parafing bằng phương pháp chung cát, xác định độ dính bám với đá.	TCVN 7495:05; ASTM D5; AASHTO T49; TCVN 7496:05; ASTM D113; AASHTO T51; TCVN 7497:05; ASTM D36; AASHTO T53; TCVN 7498:05; ASTM D92; AASHTO T48; TCVN 7499:05; ASTM D6; AASHTO T47; TCVN 7500:05; ASTM D2042; AASHTO T44; TCVN 7501:05; ASTM D70; AASHTO T228; TCVN 7502:05; ASTM D2170; AASHTO T201; TCVN 7503:05; TCVN 7504:05
16	Bột khoáng trong bê tông nhựa	
	Thành phần hạt; lượng mất khi nung (MKN); hàm lượng nước; khối lượng riêng của bột khoáng chất; hệ số hao nước; hàm lượng chất hòa tan trong nước; xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng; xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường; độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng.	22 TCN 58:1984
17	Thử nghiệm đất gia cố bằng chất kết dính và xi măng	
	Xác định thành phần hạt và cấp phối hạt của vật liệu, xác định đầm nén, xác định cường độ kháng ép, xác định modun đàn hồi, xác định độ ổn định nước sau 5 chu kỳ bão hòa và sấy, xác định cường độ kháng kéo, xác định modun đàn hồi của vật liệu gia cố chất kết dính vô cơ, xác định cường độ ép chế của vật liệu dạng hạt liên kết bằng chất kết dính, độ đầm chặt theo phương pháp khô và ướt, xác định độ bền theo thời gian, cường độ kháng nén của mẫu trụ, cường độ kháng nén và uốn của mẫu dạng thanh.	22TCN 57:1984 22TCN 57:1984 TCVN 8862:11 ASTM D559 ASTM D560 ASTM D1633, D1634, D1635
18	Thử nghiệm BENTONNITE	
	Xác định khối lượng riêng, độ ổn định, độ nhớt phễu Marsh, độ pH, lực cát tĩnh, hàm lượng cát, độ dày áo sét, lượng tách nước, xác định tỷ lệ keo (độ chương nở)	TCVN 11893:2017
19	Thử nghiệm vải địa kỹ thuật, Bắc thấm, Sản phẩm từ vải	
	Xác định độ dày danh định	TCVN 8220:09; ASTM D5199
	Xác định khối lượng đơn vị diện tích	TCVN 8221:09; ASTM D5261

	Xác định độ dẫn nước; Xác định độ bền kháng thủng bằng phép thử rơi côn	TCVN 8483:10; ASTM D 4716; TCVN 8484:10; BS 6906/6
	Xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài	TCVN 8485:10; ASTM D4595 ;TCVN 8871-1:2011; ASTM D 4632:08
	Xác định kích thước lỗ lọc bằng phép thử sàng ướt	TCVN 8486:10; BS EN ISO 12956
	Xác định độ thấm xuyên	TCVN 8487:10; ASTM D4491; BS 6906/3
	Xác định sức kháng xuyên thủng thanh; Khả năng chống xuyên (CBR) của vải địa kỹ thuật; Cường độ kháng xuyên của vải địa kỹ thuật; Xác định áp lực kháng bụi; Cường độ xé rách hình thang của vải địa kỹ thuật; Xác định kích thước lỗ biểu kiến bằng phép thử sàng khô	TCVN 8871:11;ASTM D 4833:07; ASTM D6241; BS6906 part4:97; ISO 12236; ASTM D 4833:07; ; ASTM D 3786:09; ASTM D 1004-09; ASTM D4533; ASTM D 4751:91;
	Tốc độ thoát nước vô lọc dưới các cấp áp lực	TCVN 8483:10; ASTM D 4716
20	Thử nghiệm đá ốp lát tự nhiên và đá nhân tạo	
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định độ cứng bề mặt thang mohs; Xác định khối lượng thể tích; Xác định độ bền uốn, nén; Xác định độ hút nước, độ mài mòn bề mặt, độ mài mòn sâu, xác định độ bóng, độ vuông góc, độ phẳng mặt, độ bền bang giá và độ bền chống bám bẩn của đá nhân tạo.	TCVN 4732:2016; TCVN 8057:2009, TCVN 6415:2016
21	Thử nghiệm bột bả, bột xử lý mối nối	
	Độ mịn, Thời gian đông kết, Độ giữ nước, Độ cứng bề mặt, Độ dính bám với nền.	TCVN 7239:2014, TCVN 4030:03, TCVN 6017:15
22	Thử nghiệm tấm thạch cao, hệ khung kim loại	
	Xác định kích thước, độ sâu của gờ vuốt thon và độ vuông góc của cạnh; độ cứng của cạnh; gờ và lõi; cường độ chịu uốn; độ kháng nhỏ đinh; độ biến dạng âm; độ hút nước; độ hấp thụ nước bề mặt; độ thấm thấu hơi nước; khả năng chống thấm nước.	TCVN 8257: 2009; ASTM C473-17; ASTM C1278/C1278M-07a.
	Xác định kích thước hình học, độ cong vênh, cường độ chịu kéo, chịu uốn, giãn dài, khả năng chịu tải của hệ trần kim loại.	TCVN 197:2014; TCVN 198:2008; ASTM C635-17, ASTM A370-12, ASTM A500:07; ASTM E30990-20
	Xác định kích thước hình học, độ cong vênh, khả năng đâm xuyên đỉnh vít của hệ khung vách	ASTM C645-18
	Kiểm tra chiều dày lớp phủ, lớp mạ, lớp sơn	TCVN 9406:2012; TCVN 4392:86; TCVN 5408:2007; TCVN 5878:07; TCVN 7665:2007; ASTM A90-13; D1400-00; E376-19; B244-09; JIS H0401:07
	Xác định độ dính bám lớp phủ, độ đồng đều	TCVN 2097:15; TCVN 4392:86; TCVN 5408:07; ASTM B498-19; D3359-19; D6677-18
23	Thử nghiệm nước	
	Xác định màu nước, vẩn dầu mỡ, hàm lượng chất hữu cơ, chất rắn, độ pH, Hàm lượng mối hòa tan, hàm lượng cặn không tan, hàm lượng ion sunfat	TCVN 4506:2012; TCVN 6186:1996; TCVN 6492:2011; TCVN 4560:1988; TCVN 6200:1996
24	Thử nghiệm sơn, sơn nhũ tương, sơn vecni, sơn kẻ đường, sơn tín hiệu, sơn epoxy	
	Màu sắc; Trạng thái sơn trong thùng chứa; Đặc tính thi công; Độ ổn định ở nhiệt độ thấp (-5°C); Ngoại quan màng sơn; xác định độ mịn; xác định thời gian chày, độ nhớt; hàm lượng chất rắn và chất tạo màng; hàm lượng chất hữu cơ dễ bay hơi; xác định độ phủ; thời gian khô và độ khô; xác định độ bám dính của màng sơn; xác định độ cứng của màng sơn; độ bền uốn của màng sơn; độ bền va đập của màng sơn; độ bóng; chiều dày màng sơn; độ rửa trôi; độ mài mòn của màng sơn; độ bền nước; độ bền kiềm; khả năng chịu xăng, chịu kiềm, chịu muối, hóa chất; độ bền chu kỳ nóng lạnh; độ	TCVN 2091:15; TCVN 2092:13; TCVN 2093:93; TCVN 10369:14; TCVN 10370:14; TCVN 2095:93; TCVN 2096:15; TCVN 9014:11; TCVN 2098:07; TCVN 2099:13; TCVN 2100:13; TCVN 2101:16; TCVN 9406:12; TCVN 9760:13; TCVN 2102:08; TCVN 8653-1--5:2012; TCVN 11474:16; TCVN 8792:11; TCVN 9405:12; TCVN 10517:14; TCVN 6557:2000; ASTM D3363;

	bền nhiệt ẩm, độ bền dung môi; độ bền lâu; độ xuyên nước; độ cứng bút chì; xác định ảnh hưởng của nhiệt	TCVN 9762:2013
	Son giao thông: màu sắc, tỷ trọng, thời gian khô, độ bám dính, độ co ngót, độ mài mòn, độ kháng chảy, điểm hóa mềm, độ bền nhiệt	TCVN 8791:2011; ASTM D6628-16; TCVN 8786:2011; TCVN 8787:2011
	Son epoxy: Xác định độ nhót, cường độ dính kết, liên kết; độ hấp thụ nước; cường độ chịu nén và mô đun đàn hồi khi nén, cường độ chịu kéo và độ giãn dài khi đứt, cường độ bám dính	TCVN 7952:2008; ASTM C881-20; C884-16; C1404-98(2003); D570-98(2018); D638-14; D648-18; D695-15; D2393-86
25	Thử nghiệm gỗ	
	Gỗ tự nhiên: Xác định sai lệch kích thước, độ ẩm và độ hút ẩm, xác định khối lượng thể tích, độ bền uốn tĩnh và modun đàn hồi uốn tĩnh, độ bền nén vuông góc với thớ, độ bền kéo, độ bền cắt, độ bền va đập, độ giãn nở gỗ.	TCVN 7490:2005; TCVN 8046:2009; TCVN 8048-1-:16:2009
	Gỗ ghép thanh: Sai lệch kích thước, độ ẩm, khối lượng thể tích, độ trương nở chiều dày sau 24h ngâm nước, độ bền uốn tĩnh và mô đun đàn hồi uốn tĩnh, thử tách mạch keo, độ bền trượt của mạch keo	TCVN 8575:2010; TCVN 8576:2010; TCVN 8577:2010
	Ván sàn gỗ nhân tạo: sai lệch kích thước và khuyết tật ngoại quan; độ vuông góc, thẳng cạnh, phẳng mặt; độ ẩm; khối lượng thể tích; độ trương nở chiều dày 24h ngâm nước; độ bền uốn và mô đun đàn hồi khi uốn tĩnh; độ bền kéo vuông góc với mặt ván; độ bền ẩm; độ bền bề mặt, lực bám giữ đinh vít; hàm lượng formadehyt; độ mài mòn bề mặt, độ bền va đập	TCVN 7756:2007; TCVN 11904:2017; TCVN 11905:2017; TCVN 11906:2017; TCVN 11907:2017; TCVN 12447:2018; BE EN 310-324; EN 1087-1-1995; EN 13329:2016; ASTM D4060-14; ASTM D6007-02
	Ván lát sàn nhiều lớp: sai lệch kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định độ ấn lõm và vết lõm lưu lại; độ cứng bề mặt; độ mài mòn bề mặt; độ trương nở chiều dày; độ bền với ghế Castor; độ bền va đập; độ dày vết phồng, độ ổn định kích thước.	TCVN 11944:2018; TCVN 11947:2018; TCVN 11949:2018; TCVN 11950:2018; TCVN 11951:2018; TCVN 11906:2017
26	Thí nghiệm kính xây dựng	
	Thử nghiệm độ bền va đập con lắc, bị rơi	TCVN 7368:13; TCVN 7455:13
	Thử nghiệm độ bền nhiệt, độ bền chịu ẩm	TCVN 7364-4:18
	Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan	TCVN 7219:02; TCVN 7364-6:2018
	Xác định ứng suất bề mặt, phá vỡ mẫu	TCVN 7455: 13; TCVN 8261: 2009
	Kính phẳng tôi nhiệt: kiểm tra kích thước lỗ khoan, kiểm tra phá vỡ mẫu, ứng suất bề mặt.	TCVN 7455:2013
	Kính cán vân hoa: Xác định kích thước và kiểm tra khuyết tật ngoại quan, độ cong vênh của tấm kính, xác định sai lệch vân hoa	TCVN 7527:2005
	Kính hộp: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, kiểm tra độ cong vênh của tấm kính, điểm sưng, độ kín, độ cách nhiệt	TCVN 8260:2012
	Kính phủ phản quang: Xác định hệ số phản xạ năng lượng mặt trời, xác định độ bền mài mòn, độ bền axit, độ bền kiềm	TCVN 7528:2005
27	Vật liệu từ nhựa, chất dẻo, epoxy, composite, vật liệu cách nhiệt	
	Kích thước và khuyết tật ngoại quan; nhiệt độ hóa mềm Vicat; độ bền kéo; độ giãn dài; độ bền nén; độ bền uốn và mô đun đàn hồi khi uốn; độ bền va đập, độ bền chọc thủng, độ bền áp suất thủy tĩnh, độ bền ngắn hạn ở 20°C, 80°C, 95°C, độ bền nhiệt; độ bền hóa chất; đo oval; thành phần hóa học; độ chịu nhiệt; khối lượng riêng, khối lượng thể tích, chống cháy; dính bám.	TCVN 6145:2007; TCVN 8699:2011; TCVN 7997:2009; TCVN 11821:2017; TCVN 7690:2005; TCVN 6147:2003; TCVN 6148:07; TCVN 6149:07; TCVN 7434: 04; ASTM D4833-07(13); D792-13; TCVN 2229-13; TCVN 5819:94; TCVN 7305:08; TCVN 6151:2002; TCVN 6144:2003; TCVN 9070:2012; TCVN 7919:2008, TCVN 11353:2016
28	Thử nghiệm dây điện, dây cáp điện, dây tín hiệu trong xây dựng dân dụng	
	Kích thước, đường kính vỏ ngoài, đường kính sợi chiều dày cách	TCVN 6614:2008; TCVN 5935:13; TCVN

	điện, độ bền kéo và giãn dài khi đứt	7305:2003; TCVN 5933:1995, TCVN 6610:07; TCVN 2103:94
	Kiểm tra số sợi, kiểm tra mặt cắt danh định	TCVN 6612:2007
	Độ bền hóa chất, nhiệt độ	TCVN 2105:1990
	Đường kính ruột dẫn, đường kính sợi đồng, điện trở của ruột dẫn, Độ bền điện áp, điện trở cách điện	TCVN 6610-2:2007; TCVN 5935:13; TCVN 2103:94
29	Vật liệu chống thấm, Polime, màng chống thấm, bang cản nước, thanh trương nở, cao su, silicon	
	Xác định chiều dày, khối lượng riêng, Cường độ chịu kéo, độ giãn dài khi đứt, độ cứng shore A,B,C,D, độ bền xé rách, tỷ lệ thay đổi sau lão hóa nhiệt, Độ bền chọc thủng động, độ bền nhiệt, hệ số lão hóa, biến dạng dư, modun độ trượt, hệ số trượt, độ bóc tách giữa cao su và thép bản, Độ bền dưới áp lực thủy tĩnh, độ bền hóa chất, cường độ dính bám, khả năng tạo cầu vết nứt	TCVN 9409-1-:-2:2014; TCVN 4866:2013; TCVN 2097:93; TCVN 4867:18; TCVN 4509:13; TCVN 9067-1-:-4:2012, TCVN 10521:14; TCVN 1595:13; TCVN 2229:2007; TCVN 9407:14; ASTM D412, D2240; D573; D395; D903; 22TCN217:94; BS EN 14891:2017; GB/T23457-2009
	Silicon trám khe cho kết cấu xây dựng: Xác định độ chảy; khả năng đùn chảy; độ cứng Shore A, xác định ảnh hưởng của lão hóa nhiệt đến sự tổn hao khối lượng, tạo nứt và tạo phấn, xác định thời gian không dính bề mặt, xác định cường độ dính bám.	TCVN 8267-1-:-6:2009
	Vật liệu bảo vệ bề mặt bê tông: Tỷ trọng, độ pH, độ thấm hơi nước, độ dính bám, độ bền hóa chất, độ thấm nhập, độ hút nước, độ bền kiềm, độ bền va đập.	TCVN 11839:2017; BS EN 13529:2003
	Thanh trương nở: Tỷ trọng, khối lượng thể tích, độ nở sau khi ngâm nước, cường độ chịu kéo và độ giãn dài khi đứt.	TCVN 2752:2017; ASTM D71, D471, D412

Ghi chú (*) Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.